

Số: 02/2018/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền
quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập
quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập
quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; (Kh).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND
ngày 03/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp thẩm quyền quyết định về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị); tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản tại Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy; tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất của doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý; phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quy định này không điều chỉnh việc

a) Quản lý, sử dụng đối với các tài sản sau: Tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh; đất đai; tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên khác do nhà nước quản lý thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản thuộc khoản 3 Điều 1 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

3. Các nội dung khác có liên quan không quy định cụ thể trong Quy định này thì được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công.

a) Cơ quan nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;

d) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

đ) Doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý.

2. Đối với phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Mục 1

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC; ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO
CHI THƯỜNG XUYÊN; ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NHÀ NƯỚC
ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà, tài sản khác từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ dự toán được Ngân sách nhà nước giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp số tiền thuê từ 200 triệu đồng trở lên/lần/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với trường hợp số tiền thuê từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/lần/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với trường hợp số tiền thuê dưới 100 triệu đồng/lần/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với trường hợp số tiền thuê dưới 50 triệu đồng/lần/01 đơn vị tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ngành thuộc địa phương quản lý, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan cấp huyện; giữa cơ quan cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã với nhau thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý là:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là

động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác (trừ tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

6. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

Điều 10. Tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản:

a) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

b) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý, sử dụng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các loại tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Mục 2

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN, CHI ĐẦU TƯ**

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản công

1. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước để thuê tài sản. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để thuê tài sản phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công

Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

Mục 3

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI VĂN PHÒNG THÀNH ỦY, HUYỆN ỦY

Điều 17. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi tài sản

1. Thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Chương II quy định này.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 6, Chương II quy định này.

Mục 4

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

1. Đối với tài sản là trụ sở làm cơ sở hoạt động sự nghiệp tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội đã được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước được thực hiện như đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại mục 1, Chương II Quy định này.

2. Đối với tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

Mục 5

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 19. Thẩm quyền quyết định phương án điều chuyển tài sản, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước theo Mục 1 Chương II Quy định này.

Mục 6

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 20. Thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý trong trường hợp sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; xử lý nhà, đất tại vị trí cũ khi di dời theo quy hoạch hoặc do ô nhiễm môi trường trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN

Điều 21. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Mục 2
THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ
TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý đối với:

a) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu;

b) Điều chuyển tài sản từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại.

c) Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh với nhau.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu thuộc cấp tỉnh quyết định phương án xử lý đối với:

a) Tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý ra quyết định tịch thu;

b) Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ra quyết định tịch thu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án xử lý đối với:

a) Tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý ra quyết định tịch thu;

b) Điều chuyển tài sản từ cấp huyện về cấp xã và ngược lại.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP):

a) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Điều chuyển tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh với nhau; từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; giữa cấp huyện với nhau.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu thuộc cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị

bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP):

a) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Điều chuyển tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh với nhau; từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; giữa cấp huyện với nhau.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Giám đốc doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khác có liên quan có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp tại Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

